

NHỮNG GIẢI PHÁP XÂY DỰNG NỀN VĂN HOÁ DÂN TỘC NHẪM TIẾP TỤC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 5 KHÓA VIII

LÊ QUÝ ĐỨC

Tóm tắt

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khoá VIII (sau đây viết tắt là Nghị quyết TƯ 5) ra đời năm 1998 đã nhận thức lại vai trò to lớn của văn hoá đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta. Nghị quyết đã được toàn xã hội đón nhận. Song quá trình đưa Nghị quyết vào cuộc sống đã bộc lộ nhiều bất cập về lý luận, nhận thức và cả trong việc chỉ đạo thực tiễn, nên không đạt được những kết quả mà xã hội mong muốn. Bài viết này muốn chỉ ra những bất cập của Nghị quyết và mạnh dạn nêu ra một vài giải pháp cơ bản về xây dựng nền văn hoá nước ta sau 15 năm thực hiện Nghị quyết trên.

Từ khóa: Nghị quyết TƯ 5, nền văn hóa, bản sắc văn hóa, bất cập, giải pháp

Abstract

Resolution of the Fifth Conference of the Central Committee of the Communist Party of Vietnam VIII (hereinafter referred to as the Central Resolution 5 - VIII) was formed in 1998 were aware of the major role of culture for the economic – society development of our country. The Resolution was received nationwide but the process of bringing the Resolution to life has revealed many shortcomings in theory, perception and practical direction. So it has not achieved the results as expected. This article is to point out the shortcomings of the Resolution and outline some basic solutions to building our culture after 15 years of implementating the Resolutions.

Keyword: The Central Resolution 5, culture, cultural character, shortcomings, solution

Trước đây (2003), trong cuộc Hội thảo khoa học tại thời điểm sau 5 năm Đảng Cộng sản Việt Nam ra Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII (1998 - 2003), do Viện Văn hoá nghệ thuật Việt Nam tổ chức, chúng tôi đã có bài tham luận "*Những bất cập về lý luận và nhận thức vấn đề xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*".

Nhiều bất cập đến nay vẫn chưa được khắc phục, do vậy chúng tôi xin trở lại vấn đề trên và đưa ra các giải pháp cơ bản để xây dựng nền văn hoá Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

Thứ nhất, cần xác định rõ các khái niệm văn hoá, nền văn hoá và xây dựng và phát triển văn hoá, hay xây dựng và phát triển nền văn hoá đã ảnh hưởng đến nhận thức và hoạt động thực tiễn xã hội như thế nào.

Trong Văn kiện Nghị quyết TƯ 5, tuy Trung ương đã “cần nhắc” rất kỹ tên của Nghị quyết: “Trải qua thảo luận và cân nhắc, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương lấy tên “Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”(1, tr.21). Song khi triển khai trong nội dung Nghị quyết TƯ 5, chúng ta chỉ thấy nói đến văn hoá mà không nhắc đến nền văn hoá. Chẳng hạn: Phần thứ nhất - Thực trạng văn hoá nước ta (1, tr.42); phần thứ hai - Phương hướng và nhiệm vụ phát triển văn hoá (1, tr.54); phần thứ ba - Những giải pháp lớn xây dựng và phát triển văn hoá (1, tr.71). Như vậy, ngay trong Nghị quyết đã có sự lẫn lộn giữa “xây dựng và phát triển văn hoá” với “xây dựng và phát triển nền văn hoá”.

Phát hiện điều này, không phải là việc duy danh chữ nghĩa, bới lông tìm vết mà thực sự là một vấn đề về nhận thức, từ đó ảnh hưởng đến công tác chỉ đạo thực tiễn của chúng ta.

Nghị quyết TƯ 5 chỉ dựa vào quan niệm của Hồ Chí Minh về văn hoá nói chung mà không dựa vào quan niệm của Người về “xây dựng nền văn hoá”.

Quan niệm của Hồ Chí Minh về văn hoá được dẫn ra trong Nghị quyết TƯ 5: “Vi lễ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hoá” (1, tr.19).

Ở đây Hồ Chí Minh chỉ đề cập đến văn hoá theo nghĩa toàn thể (văn hoá viết hoa - chữ C trong Culture viết hoa) để phân biệt với các nền văn hoá của mỗi cộng đồng, quốc gia dân tộc (văn hoá viết thường chữ c trong cultures). Văn hoá toàn thể là đặc trưng có tính đặc hữu của con người (của loài người), nó là cái để phân biệt giữa con người với động vật, do con người học hỏi, trao truyền cho nhau mà có được.

Còn khi nói về “xây dựng nền văn hoá dân tộc” Hồ Chí Minh đưa ra quan niệm về “nền” văn hoá với một kết cấu rất cụ thể. Người nêu 5 điểm lớn xây dựng nền văn hoá dân tộc như sau:

- 1) Xây dựng tâm lý, lý cách tinh thần độc lập, tự cường;
- 2) Xây dựng luân lý: biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng;
- 3) Xây dựng xã hội: mọi sự nghiệp có liên quan đến phúc lợi của nhân dân trong xã hội;
- 4) Xây dựng chính trị: dân quyền;
- 5) Xây dựng kinh tế (2, tr.431);

Nghị quyết TƯ 5 đã đồng nhất văn hoá nói chung với xây dựng nền văn hoá, khi cho rằng: “Văn hoá được đề cập trong Dự thảo Nghị quyết theo nghĩa rộng nói chung, trong đó đề cập tám lĩnh vực lớn, trong tám lĩnh vực này thì tư tưởng, đạo đức, lối sống và đời sống văn hoá được coi là những lĩnh vực quan trọng nhất cần được đặc biệt quan tâm” (1, tr.20). Trong khi Hồ Chí Minh cho rằng muốn xây dựng nền văn hoá dân tộc không chỉ quan tâm đến các lĩnh vực tinh thần (xây dựng tâm lý, lý cách và xây dựng luân lý) mà phải xây dựng xã hội, chính trị và kinh tế nữa. Chính vì không hiểu đầy đủ quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hoá dân tộc nên chúng ta đã để ra một chủ trương có tính phiến diện, biểu hiện ở hai vấn đề sau:

Đầu tiên, chỉ quan tâm xây dựng yếu tố tinh thần của nền văn hoá (tám lĩnh vực quan trọng) nên sau 15 năm thực hiện chúng ta không đạt được những kết quả như mong muốn. Các yếu tố tinh thần chẳng những không được nâng cao mà còn rơi vào suy thoái nghiêm trọng (tư tưởng, đạo đức, lối sống) như nhiều văn kiện của Đảng và Nhà nước khẳng định. Sự suy thoái đó bắt nguồn từ nguyên nhân trong kinh tế là chủ yếu. Vấn đề cơ bản của văn hoá kinh tế là vấn đề sở hữu, đặc biệt là vấn đề phân phối sản phẩm xã hội. Nếu sở hữu tư liệu sản xuất không rõ ràng, nếu phân phối sản phẩm

xã hội không công bằng, hợp lý dẫn đến tình trạng tham nhũng, chiếm đoạt của công, lợi ích nhóm, lợi ích tập đoàn thì làm sao có thể xây dựng được tư tưởng, đạo đức, lối sống xã hội tốt đẹp.

Chúng ta muốn xây dựng nền văn hoá tiên tiến trong đó dân chủ là đặc trưng cơ bản thì phải “xây dựng chính trị: dân quyền”. Nếu không xây dựng được nhà nước pháp quyền, xã hội công dân, xã hội dân sự, dân chủ thì không thể có tư tưởng, đạo đức, lối sống tiến bộ.

Chúng ta muốn xây dựng nền văn hoá “đậm đà bản sắc dân tộc” trong đó tinh thần yêu nước là giá trị cơ bản biểu hiện bản sắc văn hoá dân tộc mà không có cơ chế làm cho giá trị đó tiềm ẩn trong con người Việt Nam bộc lộ thành hành vi thực tiễn xã hội thì không thể thành công. Hồ Chí Minh nói rằng: nhân dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước, mỗi khi có giặc xâm lăng đến thì tinh thần ấy lại trở dậy, kết thành làn sóng to lớn cuốn phăng bè lũ cướp nước và bán nước. Nhiệm vụ của chúng ta là phải trưng bày tinh thần đó ra. Ngày nay, khi không có giặc xâm lăng đến, chúng ta phải làm như thế nào để phát huy tinh thần yêu nước của dân tộc. Vấn đề là phải kết hợp lợi ích của độc lập dân tộc, lợi ích của công nghiệp hoá, hiện đại hoá với lợi ích của nhân dân. Hồ Chí Minh cho rằng: nước độc lập, dân phải được hưởng hạnh phúc, tự do, nếu không thì độc lập không có nghĩa lý gì. Vậy, trong những năm qua chúng ta đã giải quyết vấn đề này như thế nào, đã thoả đáng chưa? Chẳng hạn, vấn đề thu hồi ruộng đất của nông dân, chúng ta đã đền bù cho họ phù hợp chưa, đã tạo công ăn việc làm cho họ ra sao để họ yêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước?

Tiếp theo, do quan niệm xây dựng nền văn hoá chỉ là xây dựng các yếu tố tinh thần với 10 nhiệm vụ như Nghị quyết TƯ 5 để ra.

Các nhiệm vụ này tuy đề cập đến nhiều lĩnh vực, song phần lớn là những nhiệm vụ của ngành văn hoá, thông tin - bộ phận phụ trách công tác văn hoá của xã hội. Đây là công việc

của một cơ quan nhà nước chứ không phải toàn bộ nền văn hoá dân tộc.

Hơn nữa các nhiệm vụ xây dựng nền văn hoá cũng không tương thích với các lĩnh vực lớn mà Hội nghị Trung ương 5 khoá VIII quan tâm. Chẳng hạn, lĩnh vực tư tưởng, đạo đức là lĩnh vực quan trọng nhất được thực hiện bằng nhiệm vụ nào? Ai có trách nhiệm tổ chức, thực hiện? Chúng ta không thấy Nghị quyết chỉ ra. Do vậy, vấn đề đạo đức xã hội bị thả nổi và hậu quả như chúng ta đã biết.

Thứ hai, cần phải nhận thức vai trò của văn hoá như nó vốn có và phù hợp với tư duy chung của thời đại.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: vì lễ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo ra văn hoá. Như vậy, văn hoá từ khi xuất hiện trong/cùng xã hội loài người, đã có mục đích tự thân của nó: vì sự tồn tại và phát triển của con người, phát triển xã hội, thúc đẩy nhân loại vươn lên thực hiện “mục đích của cuộc sống”. Mục đích của cuộc sống con người chính là “hạnh phúc, tự do”, hay nói như tổ chức UNESCO là “cuộc sống phồn vinh và có chất lượng”, “đặc tính, đặc trưng của xã hội và cá nhân” ngày càng tăng lên. Với ý nghĩa đó, văn hoá vừa là tiền đề, điều kiện, vừa là mục đích vừa là động lực phát triển của con người và xã hội.

Ngày nay, nhân loại đã nhận thức lại vai trò của văn hoá sâu sắc hơn, đầy đủ hơn, tổ chức UNESCO, trong buổi lễ phát động *Thập kỷ thế giới văn hoá vì phát triển*, đã khẳng định: văn hoá đứng ở vị trí trung tâm của phát triển và sự phát triển phải được khởi đầu và truyền bá bởi văn hoá, văn hoá giữ vai trò điều tiết xã hội. Theo quan niệm trên của Hồ Chí Minh và tổ chức UNESCO, nhìn chung trong toàn bộ tiến trình của lịch sử nhân loại và của mỗi cộng đồng, văn hoá có vai trò định hướng sự phát triển xã hội bằng mục đích nhân văn của nó và đồng thời điều tiết xã hội bằng hệ thống giá trị, chuẩn mực văn hoá của mỗi cộng đồng.

Chẳng hạn, ở nước ta, trước những sai lầm, khuyết điểm dẫn đến khủng hoảng kinh tế - xã hội trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội theo mô hình nhập ngoại, trước bối cảnh chung của thời đại nhận thức lại vai trò của văn hoá, nhận thức lại khái niệm “phát triển”, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định lại vai trò của văn hoá: là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội. Từ đó Đảng đưa ra định hướng xây dựng “xã hội xã hội chủ nghĩa” ở nước ta là “một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh” (Cương lĩnh xây dựng đất nước, 2011). Phải chăng đây chính là sự thể hiện vai trò điều tiết của văn hoá dân tộc đối với sự phát triển xã hội hiện nay bằng chính những giá trị, chuẩn mực văn hoá Việt Nam đã được Hội nghị TƯ 5 khẳng định: “đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý thức tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý...”. Đây là hệ giá trị của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được xây đắp qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước (không phải là những giá trị nhập ngoại). Các giá trị này là cơ sở để chúng ta phát triển đất nước, định hướng cho sự phát triển kinh tế - xã hội hiện nay. Nó đã giúp chúng ta trả lời câu hỏi: chúng ta phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở giá trị nào? Câu trả lời là chúng ta chỉ thành công khi lấy các giá trị văn hoá dân tộc làm hệ điều tiết xã hội.

Các giá trị này cũng qui định mô hình phát triển kinh tế - xã hội: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Nó đòi hỏi phải thực hiện mục tiêu kép là: vừa phát triển đời sống vật chất, vừa phát triển con người và xã hội; vừa phát triển cá nhân, vừa phát triển cộng đồng (xã hội). Để thực hiện mục tiêu kép trên, chúng ta phải tiến hành đồng thời giải pháp kép là: muốn phát triển đời sống vật chất thì phải phát triển nền kinh tế thị trường, nhưng phải chú ý đến công bằng xã hội; muốn phát triển cá nhân phải khuyến khích cá nhân làm

giàu nhưng phải chú ý đến việc xoá đói, giảm nghèo thì mới hướng đến mục đích nhân văn của sự phát triển - xã hội. Như vậy, rõ ràng là văn hoá có vai trò điều tiết xã hội. Nhưng tại sao chúng ta không mạnh dạn và thẳng thắn khẳng định quan điểm đó. Phải chăng, chúng ta sợ nói đến vai trò điều tiết xã hội của văn hoá thì sẽ làm mất đi vai trò định hướng của chủ nghĩa Mác - Lênin đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nền văn hoá ở nước ta?

Thứ ba, cần giải quyết sự bất cập thể hiện ngay trong những vấn đề cơ bản nhất - vấn đề lý luận, khung khái niệm và mô hình lý thuyết của nền văn hoá “tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc”. Mặc dù chúng ta đã có những đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, cấp Nhà nước, mặc dù chúng ta đã đưa những vấn đề trên vào giáo trình giảng dạy ở bậc đại học và cao đẳng, song đến nay vẫn có người đặt vấn đề tính chất “tiên tiến” của nền văn hoá là gì? “Bản sắc” văn hoá là gì? “Bản sắc văn hoá dân tộc - quốc gia” hay “bản sắc văn hoá tộc người”?

Có người cho rằng, nói tính chất “tiên tiến” của nền văn hoá biểu hiện ở hệ tư tưởng - yếu tố cốt lõi của nền văn hoá thì đúng. Nhưng hệ tư tưởng chỉ là một thành tố của nền văn hoá, bên cạnh và xung quanh nó còn nhiều yếu tố khác; và lại nếu quan niệm tính chất tiên tiến của nền văn hoá thể hiện ở mục tiêu “tất cả vì con người, vì hạnh phúc và sự phát triển phong phú, tự do, toàn diện của con người trong mối quan hệ hài hoà giữa cá nhân và cộng đồng, giữa xã hội và tự nhiên” (1, tr.56) thì đó chính là tính nhân văn, nhân bản của văn hoá (tính chất xã hội cao quý vốn có của văn hoá như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói “vì lẽ sinh tồn và cũng như mục đích của cuộc sống” mà loài người mới sáng tạo và phát minh ra văn hoá). Nếu vậy, chỉ cần dùng khái niệm nhân văn là đủ làm rõ và chính xác tính chất cơ bản của nền văn hoá mà chúng ta xây dựng. Thay vì điều đó, để giải thích khái niệm tính “tiên tiến”, người ta lại phải dùng nhiều khái niệm khác

như: “yêu nước”, “tiến bộ”, “độc lập dân tộc”, “chủ nghĩa Mác - Lênin”... mà chú giải cho nó, không những không làm rõ được khái niệm này mà còn làm cho nó phức tạp thêm.

Quan niệm tính chất tiên tiến của nền văn hoá bao gồm cả nội dung và hình thức: “Tiên tiến không chỉ trong nội dung tư tưởng mà cả trong hình thức thể hiện, trong các phương tiện chuyển tải nội dung”. Vậy hình thức thể hiện của nghệ thuật “tiên tiến” là gì? Một tác phẩm văn chương, sân khấu, điện ảnh, hội hoạ, điêu khắc... hình thức “tiên tiến” của nó được thể hiện như thế nào? Cần chỉ rõ để người nghệ sĩ sáng tạo có thể thao tác được (?!).

Về bản sắc văn hoá, hiện nay trong lý luận và trong nhận thức xã hội, người ta chưa phân biệt rạch ròi hai quan niệm “bản sắc” văn hoá dân tộc (quốc gia) hay “bản sắc” văn hoá tộc người. Có hai loại ý kiến, một là chỉ có “bản sắc” văn hoá dân tộc (quốc gia); hai là vừa có “bản sắc” văn hoá dân tộc (quốc gia) vừa có “bản sắc” văn hoá tộc người. Nếu chỉ có “bản sắc” văn hoá dân tộc (quốc gia) thì “bản sắc” ấy được thể hiện như thế nào? Nếu vừa có “bản sắc” văn hoá dân tộc (quốc gia), vừa có “bản sắc” văn hoá tộc người thì hai “bản sắc” văn hoá ấy giống và khác nhau như thế nào? Những vấn đề trên chưa được làm rõ.

Một loại ý kiến khác cho rằng: “bản sắc” của dân tộc và “bản sắc” văn hoá dân tộc (hay “bản sắc” dân tộc của văn hoá) cũng không hoàn toàn đồng nhất, “bản sắc” dân tộc là “bản sắc” dân tộc, “bản sắc” văn hoá là “bản sắc văn hoá”. Ở đây vấn đề mối quan hệ giữa văn hoá và dân tộc, văn hoá dân tộc (quốc gia) và văn hoá tộc người cần được lý giải.

Đặc biệt là vấn đề xây dựng nền văn hoá “đậm đà bản sắc dân tộc” là như thế nào? “Đậm đà bản sắc dân tộc” không phải là một khái niệm khoa học, nó mang tính chất định tính, rất khó định lượng. Thực tiễn xây dựng nền

văn hoá nói chung và các lĩnh vực văn hoá nói riêng đã đặt ra câu hỏi: xây dựng, phát triển, sáng tạo đến đâu thì sẽ đạt đến độ “đậm đà bản sắc” dân tộc? Câu hỏi không dễ trả lời!

Thứ tư, cần làm rõ luận điểm “văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội”.

Có người nêu ý kiến: nếu coi “văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội”, liệu chúng ta có rơi vào chủ nghĩa duy tâm không? Bởi chủ nghĩa duy tâm cho rằng ý thức tư tưởng, đời sống tinh thần (tức văn hoá) của xã hội là cơ sở để ra quan hệ vật chất, đời sống kinh tế của xã hội.

Có người lại cho rằng, nếu thừa nhận “văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội” là thừa nhận quan điểm nhị nguyên luận: xã hội có hai nền tảng vật chất (kinh tế) và ý thức (văn hoá). Nếu vậy, hoặc chúng ta rơi vào thuyết nhị nguyên, hoặc rơi vào sự hỗn độn trong tư duy.

Có người khẳng định, trong lịch sử nhân loại có giai đoạn người ta đã coi “văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội” đó là thời Trung cổ ở phương Tây. Khi mà nhà thờ Cơ đốc giáo quan niệm Kinh thánh là chân lý, mọi quan hệ xã hội đều đặt trên nền tảng giáo lý tôn giáo - hay sự phán quyết của Chúa. Chính vì vậy nó đã kim hãm xã hội trong vòng ngu tối của “đêm trường trung cổ”.

Có người vừa thừa nhận quan điểm “văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội” lại vừa hoài nghi luận điểm này. Họ thừa nhận, vì thực tiễn đời sống xã hội ở nước ta hiện nay, sự suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống đang tạo ra nguy cơ đe dọa sự tồn vong của chế độ. Nhưng người ta lại sợ rằng, nói như vậy là trái với tư tưởng triết học Mác xít. Bởi theo họ, triết học Mác xít đã khẳng định, xã hội chỉ có một nền tảng duy nhất là nền tảng vật chất - kinh tế, đó là “cơ sở hạ tầng” của xã hội. Cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng, trong đó có văn hoá.

Đồng thời cần phải giải thích rõ một vấn đề nữa liên quan tới luận điểm văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển kinh tế - xã hội mà thực tiễn đặt ra: đó là, trong khi nền tảng tinh thần của xã hội chúng ta suy giảm nghiêm trọng (đặc biệt là tư tưởng, đạo đức, lối sống) thì kinh tế vẫn tăng trưởng, vì sao? Liệu có phải hệ tư tưởng được coi là chính thống của xã hội hiện nay đóng vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế? Hay một nền tảng tinh thần khác? Chẳng hạn chủ nghĩa cá nhân vị kỷ, ý thức tư hữu, khát vọng sở hữu tư nhân... đang là nền tảng, là mục tiêu, động lực của xã hội?

Trên đây chúng tôi đã đề cập đến những bất cập về lý luận và nhận thức của vấn đề xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đã từng tồn tại suốt 15 năm qua. Nó cũng bộc lộ những hạn chế trong thực tiễn tổ chức xây dựng nền văn hoá vừa qua. Từ đó chúng tôi xin đề xuất một vài ý kiến về xây dựng và phát triển nền văn hoá dân tộc.

Trước hết, cần xác định lại tên gọi hay định hướng xây dựng nền văn hoá dân tộc hiện nay. Nhân dịp cả nước đang thảo luận việc sửa đổi Hiến pháp năm 1992, chúng tôi thấy nên trở lại tên gọi và định hướng xây dựng nền văn hoá dân tộc đã được ghi trong Hiến pháp năm 1992. Đó là nền văn hoá dân tộc, hiện đại và nhân văn, vừa ngắn gọn, vừa rõ ràng và phù hợp với dân tộc, phù hợp với xu thế thời đại.

- Dân tộc là yêu nước, đề cao lợi ích dân tộc, mang tính chất dân tộc, đặc điểm dân tộc, truyền thống dân tộc và cả bản sắc dân tộc...

- Hiện đại là tiến bộ, văn minh, vươn lên cùng thời đại, hội nhập với văn hoá nhân loại trên cơ sở phát triển khoa học, công nghệ hiện đại, kinh tế phát triển cao và phát triển dân chủ, tự do trong một nhà nước pháp quyền...

- Nhân văn là vì con người (cá nhân và cộng đồng), vì sự phát triển hài hoà giữa cá nhân với cá

nhân, cá nhân với cộng đồng, dân tộc với nhân loại và con người với môi trường tự nhiên...

Tiếp theo, phải chú ý đến xây dựng các thành tố văn hoá xã hội (trong đó văn hoá chính trị là yếu tố quan trọng), văn hoá kinh tế (văn hoá sản xuất) trong xây dựng và phát triển nền văn hoá dân tộc hiện nay.

Mặc dù trong Nghị quyết TƯ 5 đã nói đến nhiều lĩnh vực, nhiều nhiệm vụ, nhưng vẫn thiếu vắng những lĩnh vực quan trọng là văn hoá chính trị và văn hoá kinh tế.

Trên thực tế, trong lịch sử và cả hiện tại, ở Việt Nam, văn hoá chính trị luôn đóng vai trò quan trọng nhất, chi phối các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Hơn nữa, một quốc gia nhiều dân tộc như nước ta thì chỉ có văn hoá chính trị là thống nhất còn văn hoá sinh hoạt cực kỳ đa dạng, nói văn hoá Việt Nam thống nhất trong đa dạng là theo nghĩa này. Quay trở lại với tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hoá dân tộc, chúng tôi thiết nghĩ rằng, trong Cương lĩnh mà Đại hội lần thứ XI của Đảng đã đề ra, nền văn hoá nên được tiếp cận theo nghĩa đầy đủ các yếu tố của nó. Nếu chúng ta tiếp cận việc xây dựng nền văn hoá theo nghĩa là công tác của ngành văn hoá thì việc giải thích luận điểm "văn hoá là mục tiêu của sự phát triển", "văn hoá là động lực cho sự phát triển" khó thuyết phục cả về mặt lý luận và thực tiễn.

Văn hoá chính trị là một hệ thống các giá trị chuẩn mực, ý tưởng, tri thức, mục tiêu, biểu tượng... được vận dụng trong hoạt động chính trị của một cộng đồng xã hội. Văn hoá xã hội là trình độ tổ chức xã hội, phát triển và hoàn thiện các thể chế, thiết chế xã hội phục vụ cuộc sống con người. Dạng văn hoá này đặc trưng bởi các hoạt động của nhà nước, của các thiết chế xã hội khác, của xã hội công dân, bao gồm toàn bộ tính đa dạng của các cơ quan và các hành động thực tiễn, chúng tạo ra thể chế để duy trì sự ổn định cho đời sống xã hội. Thực

tiễn xã hội sẽ loại bỏ đi các thiết chế già cỗi để tổ chức xây dựng nên các trật tự mới, cũng thuộc về lĩnh vực văn hoá. Văn hoá chính trị có thể được chia thành 6 yếu tố:

- Văn hoá xây dựng nhà nước pháp quyền;
- Văn hoá pháp luật dân chủ;
- Văn hoá tư tưởng, đạo đức, lối sống;
- Văn hoá đảng chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội;
- Văn hoá truyền thông...

Từ cách hiểu về văn hoá chính trị như vậy, cần thiết phải bổ sung việc xây dựng 6 yếu tố trên vào nhiệm vụ xây dựng nền văn hoá Việt Nam để giải quyết những vấn đề bản chất nhất của nền văn hoá dân tộc. Cương lĩnh xây dựng đất nước... (bổ sung và phát triển năm 2011) đã đưa thêm đặc trưng xây dựng nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân cần được quán triệt trong các quan điểm chỉ đạo xây dựng nền văn hoá dân tộc hiện nay.

Ở đây, chúng tôi bước đầu đưa ra quan niệm về văn hoá kinh tế (văn hoá sản xuất). Văn hoá kinh tế theo nghĩa rộng có thể hiểu là phương thức hoạt động kinh tế của con người trong xã hội, phản ánh những đặc điểm cụ thể về sản xuất, phân phối và đổi mới hệ thống giá trị chủ đạo của hoạt động kinh tế trong thời điểm lịch sử nào đó của xã hội.

Các yếu tố trong hoạt động kinh tế, gồm: các nhu cầu kinh tế, lợi ích kinh tế của các nhóm xã hội khác nhau; các động cơ hoạt động kinh tế (bắt nguồn từ điều kiện lối sống, từ hệ thống kích thích của nó); các định hướng, mục tiêu, khuôn mẫu, giá trị của hành vi kinh tế của con người được khuyến khích xây dựng hoặc lên án; các mô hình hành vi kinh tế tự hình thành hay do nhà nước đề ra; tâm thức lao động những đặc điểm về tư chất tâm lý của con người tiến hành hoạt động kinh tế, quan niệm hoạt động này như một tổng thể các

ý tưởng tương đối toàn diện và ổn định, các niềm tin, tập quán tinh thần, các định hướng giá trị, chúng tạo ra nếp hoạt động kinh tế và củng cố sự đoàn kết của những người lao động; tập quán lao động, đạo đức lao động (thái độ lao động, thái độ đối với giàu, nghèo, sở hữu, những định hướng giá trị khác về lao động); truyền thống, nghi thức, chuẩn mực, lý tưởng; tính chất tương tác giữa truyền thống và đổi mới trong đời sống kinh tế; các phương thức chuyển dịch hành vi kinh tế tích cực và chống lại các hành vi tiêu cực; hệ tư tưởng kinh tế; tư duy kinh tế và những nguyên tắc của nó.

Trên đây là những suy nghĩ về các vấn đề được quan niệm là những bất cập trong lý luận và nhận thức "xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc" từ trong Nghị quyết TƯ 5 đến thực tiễn đời sống xã hội ở nước ta, sau 15 năm đưa Nghị quyết vào cuộc sống. Chúng tôi đưa ra những suy nghĩ này xuất phát từ thực tế công tác giảng dạy và nghiên cứu văn hoá của cá nhân nên không tránh khỏi những chỗ chưa chính xác hoặc còn nông cạn, mong được các nhà lãnh đạo, quản lý và các nhà nghiên cứu trao đổi thêm về một chủ đề dường như đã được khẳng định, nhưng thực tiễn lại đặt ra nhiều vấn đề cần suy ngẫm.

L.Q.Đ

(PGS.TS. nguyên Phó viện trưởng Viện Văn hóa - Phát triển,
Học viện CTHC QGHồ Chí Minh)

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. *Hồ Chí Minh toàn tập* (1995), Tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 28/1/2013

Ngày phản biện, đánh giá: 4/3/2013

Ngày chấp nhận đăng: 18/3/2013